

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 86 : 2013/PLC

DẦU XY LANH TALUSIA UNIVERSAL 100 - YÊU CẦU KỸ THUẬT

Hà Nội – 2013

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	3

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn Dầu xy lanh TALUSIA UNIVERSAL 100, số hiệu: TCCS 86 : 2013/PLC do Tổng công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP (PLC) biên soạn và ban hành.



PETROLIMEX

TỔNG CÔNG TY HOÁ
DẦU PETROLIMEX

DẦU XY LẠNH
TALUSIA UNIVERSAL
100

TCCS 86 :2013/PLC

Lần soát xét : 01

Ngày hiệu lực : 15/11/2013

DẦU XY LẠNH TALUSIA UNIVERSAL 100 - YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng cho Dầu xy lanh **TALUSIA UNIVERSAL 100** do Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex – CTCP (PLC) sản xuất, pha chế sử dụng cho bôi trơn xy lanh các động cơ tàu thủy.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt
2	ASTM D2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt, min
3	ASTM D92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ chớp cháy
4	ASTM D97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
5	ASTM D95	Phương pháp thử xác định Hàm lượng nước
6	ASTM D892	Phương pháp thử xác định Đặc tính tạo bọt
7	ASTM D2896	Phương pháp thử xác định TBN
8	ASTM D4951	Phương pháp thử xác định Hàm lượng kim loại
9	ASTM D1298	Phương pháp thử xác định Tỷ trọng
10	TCVN 6777 (ASTM D4057)	Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp lấy mẫu thủ công

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho Dầu xy lanh **TALUSIA UNIVERSAL 100** đáp ứng tiêu chuẩn dầu bôi trơn xy lanh của động cơ diesel hai thì tàu thủy yêu cầu nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thay đổi lớn.

3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu gốc: Gốc dầu mỏ.
- Phụ gia: Phụ gia dùng cho dầu động cơ.

3.3 Yêu cầu đối với sản phẩm Dầu xy lanh **TALUSIA UNIVERSAL 100**. Sản phẩm có các chỉ tiêu mức chất lượng theo quy định tại bảng dưới đây:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TALUSIA UNIVERSAL 100
1. Độ nhớt động học ở 100°C, cSt	ASTM D445	18.5÷20
2. Chỉ số độ nhớt, min	ASTM D2270	92
3. Nhiệt độ chớp cháy, °C, min	ASTM D92	220
4. Nhiệt độ đông đặc, °C, max	ASTM D97	-6
5. Đặc tính tạo bọt, ml, max	ASTM D892	
- SEQ I:		500/20
- SEQ II:		250/20
6. TBN, mg KOH/g, min	ASTM D2896	97÷105
7. Tổng hàm lượng Ca % KL, min	ASTM D4951	3.45÷4
8. Nước, % KL, max	ASTM D95	0.5
9. Tỷ trọng ở 15°C, kg/l	ASTM D1298	0.945÷0.973

Trên đây là các số liệu tiêu biểu thu được thông thường được chấp nhận trong sản xuất nhưng không phải là thông số kỹ thuật cố định.

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2012/PLC

4.2. Bao gói: Dầu xy lanh **TALUSIA UNIVERSAL 100** được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 205 lít hoặc dạng xá.

5. Các yêu cầu khác: Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.